

Số: 121 /QĐ-VPCTTĐ

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với 02 gói thầu năm 2024 của đề tài “Nghiên cứu chọn tạo và nhân giống dứa có năng suất, chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững cây dứa cho các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long”, mã số ĐTĐL.CN-12/19

GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 1968/QĐ-BKHHCN ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2742/QĐ-BKHHCN ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ độc lập cấp quốc gia bắt đầu thực hiện từ năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 600/QĐ-BKHHCN ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước do Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước quản lý;



Trên cơ sở Hợp đồng thực hiện đề tài KH&CN số 12/19-HĐ-ĐTĐL.CN-CNN ngày 01 ngày 3 tháng 2019 về “Nghiên cứu chọn tạo và nhân giống dứa có năng suất, chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững cây dứa cho các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long”, mã số ĐTĐL.CN-12/19 giữa Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước, Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật và Trường Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc Gia TP.HCM;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 244/TTr-ĐHQT ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Trường Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc Gia TP.HCM;

Trên cơ sở Báo cáo thẩm định ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu được thành lập tại Quyết định số 54/QĐ-VPCTTĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Tổng hợp - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với 02 gói thầu năm 2024 của đề tài “Nghiên cứu chọn tạo và nhân giống dứa có năng suất, chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững cây dứa cho các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long”, mã số ĐTĐL.CN-12/19 với nội dung chi tiết tại Phụ lục 1 và 2 kèm theo.

Điều 2. Trường Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc Gia TP.HCM (Tổ chức chủ trì thực hiện đề tài có tên, mã số được nêu tại Điều 1 của Quyết định này) có trách nhiệm:

1. Tuân thủ nghiêm túc các quy định hiện hành trong quản lý và sử dụng tiền, tài sản của nhà nước; tự kê khai, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan đến toàn bộ hoạt động lựa chọn nhà thầu của các gói thầu được nêu tại Điều 1 của Quyết định này.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu; đăng tải thông tin đấu thầu; phê duyệt hồ sơ mời thầu; tổ chức thực hiện đấu thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu; thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; đàm phán, hoàn thiện, ký kết và quản lý quá trình thực hiện hợp đồng với đơn vị trúng thầu bảo đảm tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Phòng Tài chính - Kế toán thuộc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước có trách nhiệm thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu đối với

VÀ
PHÒNG
LƯƠNG T
NG ĐIỀ
NHÀ NÚ
★

nội dung “kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất” thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được nêu tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm đề tài, Trưởng phòng Phòng Tổng hợp - Kế hoạch, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế toán và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thứ trưởng Trần Hồng Thái (để b/c);
- Vụ CNN (để p/h);
- Lưu: VT, THKH.



Đào Ngọc Chiến



KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

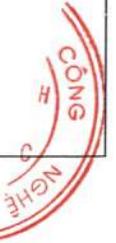
Đối với 01 gói thầu năm 2024 của đề tài “Nghiên cứu chọn tạo và nhân giống dứa có năng suất, chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững cây dứa cho các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long”, mã số ĐTĐL.CN-12/19

(Kèm theo Quyết định số 121/QĐ-VPCTTĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước)

TT	Tên chủ đầu tư/Tổ chức chủ trì	Tên gói thầu		Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tuỳ chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt các công việc chính của gói thầu										
1	Trường Đại học Quốc Tế - Đại học Quốc Gia TP.HCM	Gói thầu 01: Cung cấp hóa chất, vật tư phòng thí nghiệm	Cung cấp hóa chất, vật tư phòng thí nghiệm thuộc đề tài “Nghiên cứu chọn tạo và nhân giống dứa có năng suất, chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững cây dứa cho các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long”,	4.043.767.000	Ngân sách Nhà nước	Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng	Một giai đoạn, Một túi hồ sơ	90 ngày	Quý III/2024	Hợp đồng trọn gói	120 ngày	Không có	Phòng Tài chính - Kế toán ¹

¹ Phòng Tài chính - Kế toán, Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước (Điện thoại: 024.39366770; E-mail: vpcttd@most.gov.vn; Địa chỉ: Tầng 12, Trụ sở Bộ Khoa học và Công nghệ, số 113 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Nội dung giám sát: Kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

TT	Tên chủ đầu tư/Tổ chức chủ trì	Tên gói thầu		Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tuỳ chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt các công việc chính của gói thầu										
			mã số ĐTĐL.CN-12/19										
2		Gói thầu 02: Cung cấp thiết bị phòng thí nghiệm	Cung cấp thiết bị phòng thí nghiệm thuộc đề tài “Nghiên cứu chọn tạo và nhân giống dừa có năng suất, chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững cây dừa cho các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long”, mã số ĐTĐL.CN-12/19	75.000.000	Ngân sách Nhà nước	Chỉ định thầu rút gọn	-	15 ngày	Quý III/2024	Hợp đồng trọn gói	90 ngày	Không có	-



DANH MỤC HÀNG HÓA MUA SẴM

01 gói thầu năm 2024 của đề tài “Nghiên cứu chọn tạo và nhân giống dứa có năng suất, chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững cây dứa cho các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long”, mã số ĐTĐL.CN-12/19

(Kèm theo Quyết định số 121 /QĐ-VPCTTĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Giám đốc Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước)

Gói thầu 01: Cung cấp hóa chất, vật tư phòng thí nghiệm

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng
I	Hóa chất phòng thí nghiệm				
1	Tris-HCL	Chai	Chai/1kg	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai/1kg. - Khối lượng phân tử: 157.64 g/mol. - Công thức phân tử: C₄H₁₁NO₃.HCl. - Độ tinh khiết: 99.0 -101.0%. - pH: 4.2 ~ 5.0. - Trạng thái: Bột kết tinh, màu trắng. 	8
2	Tris-base	Chai	Chai/500g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai/500g. - Khối lượng phân tử: 121.14 g/mol. - Công thức phân tử: C₄H₁₁NO₃. - Độ tinh khiết: ≥99.0%. - pH: 10.0-11.5. - Trạng thái: Tinh thể màu trắng. 	8
3	Titriplex® III for analysis (ethylenedinitrilotetraacetic acid, disodium salt dihydrate) ACS	Chai	Chai/1kg	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai/1kg. - Cấp chất lượng: MQ100. - Khối lượng phân tử: 372.24 g/mol. - Công thức phân tử: C₁₀H₁₄N₂O₈.2Na.2H₂O. - pH: 4 - 5 (50 g/l, H₂O, 20°C). 	6
4	Ethylenediaminetetraacetic acid, disodium salt dihydrate, for analysis	Chai	Chai/500g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai/500g. - Trạng thái: Chất rắn, màu trắng. - Nhiệt độ nóng chảy: 252°C. - pH: 4 - 6. 	6
5	NaCl	Chai	Chai/1kg	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai/1kg. - Cấp chất lượng: MQ500. - Khối lượng phân tử: 58.44 g/mol. - Kim loại nặng: ≤ 2 ppm. 	4

				– Độ tinh khiết: 99.5 - 100.5 %.	
6	D(+) - Glucose anhydrous, for analysis, AR, meets the specification of BP and Ph. Eur.	Chai	Chai/500g	– Quy cách: Chai/500g. – Khối lượng phân tử: 180.16 g/mol. – Công thức phân tử: C ₆ H ₁₂ O ₆ . – pH: 6 – 7. – Trạng thái: Chất rắn, màu trắng.	4
7	Sucrose <98%	Chai	Chai/1kg	– Quy cách: Chai/1kg. – Công thức phân tử: C ₁₂ H ₂₂ O ₁₁ . – Cấp chất lượng: MQ100. – Chuyển động quay: 66.3 - 67.0°. – Sulfite (SO ₂): ≤ 10 ppm – pH: 5.5 - 7.5.	4
8	Dextrose anhydrous	Chai	Chai/1kg	– Quy cách: Chai/1kg. – Công thức phân tử: C ₆ H ₁₂ O ₆ . – Chuyển động quay: +52.6 ~ +53.2°. – Trạng thái: Bột kết tinh, màu trắng. – Thất thoát khi làm khô: ≤1.0%. – Kim loại nặng: ≤0.0004%.	10
9	Sodium hydroxide	Chai	Chai/1kg	– Quy cách: Chai/1kg. – Công thức phân tử: NaOH. – Cấp chất lượng: MQ200. – Độ tinh khiết: ≥ 97.0 %. – Sulfate (SO ₄): ≤ 0.010 %. – Kim loại nặng: ≤ 0.002 %.	4
10	Hydrochloric acid fuming 37%	Chai	Chai/1 lít	– Quy cách: Chai/1 lít. – Công thức phân tử: HCl. – Cấp chất lượng: MQ300. – Độ tinh khiết: 37.0 - 38.0 %. – pH: <1. – Kim loại nặng: ≤ 1 ppm.	2
11	Magnesium sulfate heptahydrate	Chai	Chai/1kg	– Quy cách: Chai/1kg. – Công thức phân tử: MgSO ₄ * 7 H ₂ O. – Cấp chất lượng: MQ300. – Độ tinh khiết: ≥ 99.5 %. – pH: 5.0 - 8.0. – Kim loại nặng: ≤ 0.0005 %.	4
12	Magnesium chloride	Chai	Chai/500g	– Quy cách: Chai/500g. – Công thức phân tử: MgCl ₂ .6H ₂ O. – Trạng thái: Chất rắn, màu trắng.	8

	hexahydrate, for analysis			– pH: 5 - 6.5.	
13	Sodium dodecyl sulfate BioUltra, for molecular biology	Chai	Chai/100g	<ul style="list-style-type: none"> – Quy cách: Chai/100g. – Công thức phân tử: $C_{12}H_{25}O_4S.Na$. – Độ tinh khiết: $\geq 99.0\%$. – Dùng cho sinh học phân tử. – Trạng thái: bột màu trắng hoặc không màu. 	7
14	Polyvinylpyrrolidone (PVP-40)	Chai	Chai/250g	<ul style="list-style-type: none"> – Quy cách: Chai/250g. – Công thức phân tử: $(C_6H_9NO)_n$. – Ni tơ: 11.5-12.8%. – Kim loại nặng: $\leq 10ppm$. – pH: 3.0-7.0. – Trạng thái: Bột màu trắng đến trắng ngà. 	2
15	Sodium bisulfite ACS reagent	Chai	Chai/500g	<ul style="list-style-type: none"> – Quy cách: Chai/500g. – Công thức phân tử: $NaHSO_3$. – Độ tinh khiết: $\geq 58.5\%$ (SO_2). – Kim loại nặng: $\leq 0.001\%$. – Trạng thái: Bột hoặc tinh thể màu trắng. 	2
16	Sarcosine 98%	Chai	Chai/100g	<ul style="list-style-type: none"> – Quy cách: Chai/100g. – Công thức phân tử: $C_3H_7NO_2$. – Độ tinh khiết: $\geq 98.0\%$. – Nhiệt độ nóng chảy: 205 - 215°C. – Trạng thái: Bột hoặc tinh thể màu trắng. 	1
17	Phenol – chloroform – isoamyl alcohol mixture BioUltra, for molecular biology, 25:24:1	Chai	Chai/500ml 1	<ul style="list-style-type: none"> – Quy cách: Chai/500ml. – pH: 7.7 - 8.3. – Tỷ trọng: 1.265 - 1.294. – Dùng cho sinh học phân tử. – Trạng thái: Chất lỏng màu vàng nhạt đến vàng đậm. 	4
18	RNase A (10 mg)	Chai	Chai/10 mg	<ul style="list-style-type: none"> – Quy cách: Chai/10 mg. – Nồng độ: 10 mg/mL. – Không chứa DNase and protease. – Là một endoribonuclease chuyên phân hủy RNA sợi đơn tại các gốc C và U. 	2
19	Chloroform	Chai	Chai/2,5 lít	<ul style="list-style-type: none"> – Quy cách: Chai/2,5 lít. – Công thức phân tử: $CHCl_3$. – Độ tinh khiết: $\geq 99.8\%$. – Trạng thái: Chất lỏng, không màu. 	1

				– Nhiệt độ sôi: 61°C.	
20	Ethanol, 99.8+%, for analysis, absolute, AR, meets the spec. of BP and Ph. Eur.	Chai	Chai/2,5 lít	<ul style="list-style-type: none"> – Quy cách: Chai/2,5 lít. – Công thức phân tử: C₂H₆O. – Độ tinh khiết: ≥99.8%. – Trạng thái: chất lỏng, không màu. – Nhiệt độ sôi: 78°C. 	1
21	Isopropanol, for analysis	Chai	Chai/1 lít	<ul style="list-style-type: none"> – Quy cách: Chai/1 lít. – Công thức phân tử: (CH₃)₂CHOH. – Cấp chất lượng: MQ300. – Độ tinh khiết: ≥ 99.8%. – Chì: ≤ 0.00001%. 	1
22	Plant Genomic DNA extraction kit (250)	Hộp	Hộp/250 test	<ul style="list-style-type: none"> – Quy cách: Hộp/250 test. – Sử dụng công nghệ màng dựa trên silica dưới dạng cột quay. – Quy trình hoàn thành trong 30 phút sau khi ly giải tế bào. – Giao thức không bao gồm bước lọc lysate để bị tắc nghẽn. – Năng suất cao: lên đến 32 µg DNA chất lượng cao từ 100 mg mẫu, bao gồm DNA hạt nhân, ty thể và lục lạp. – Sử dụng được với nhiều loại mẫu (lá, rễ, mầm và các bộ phận khác của các loại cây khác nhau). – DNA được phân lập có thể được sử dụng trực tiếp trong phản ứng PCR, qPCR, Southern blot và phản ứng enzyme. 	10
23	GeneJET Gel Extraction Kit	Hộp	Hộp/50 test	<ul style="list-style-type: none"> – Quy cách: Hộp/50 test. – Được sử dụng để tinh sạch các đoạn DNA có kích thước từ 25 bp đến 20 kb với tỷ lệ thu hồi lên tới 95%. – Mỗi cột tinh sạch GeneJET có khả năng liên kết lên tới 25 µg DNA và có thể xử lý tới 1 g gel agarose. – Toàn bộ quy trình chỉ mất 15 phút. – DNA được phân lập sẵn sàng để sử dụng trong tất cả các ứng dụng xuôi dòng phổ biến, bao gồm thất, hạn chế tiêu hóa, PCR, giải trình tự và dán nhãn. 	5
24	GeneJET PCR Purification Kit	Hộp	Hộp/50 test	<ul style="list-style-type: none"> – Quy cách: Hộp/50 test. 	5

				<ul style="list-style-type: none"> - Được sử dụng để tinh sạch các đoạn DNA từ 25 bp đến 20 kb với tỷ lệ thu hồi lên tới 100%. - Mỗi cột tinh sạch GeneJET có tổng khả năng liên kết lên tới 25 μg DNA và toàn bộ quy trình mất 5 phút. - DNA tinh khiết có thể được sử dụng trong các ứng dụng xuôi dòng phổ biến, chẳng hạn như giải trình tự, hạn chế tiêu hóa, ghi nhãn, thắt, nhân bản, phiên mã in vitro, làm mờ hoặc lai tại chỗ. 	
25	UltraPure™ Agarose	Hộp	Hộp/100g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/100g. - Là một polysacarit được sử dụng để phân tách axit nucleic dựa trên kích thước trong các ứng dụng điện di trên gel agarose. - Lý tưởng để phân giải các đoạn DNA và RNA từ 100 bp đến >30 kb. - Cấu trúc gel vững chắc cho phép xử lý tốt hơn và ít gãy hơn. - Có thể được sử dụng trong các ứng dụng điện di protein như Ouchterlony (xét nghiệm tương tác kháng nguyên-kháng thể) và khuếch tán miễn dịch xuyên tâm (RID) (xét nghiệm định lượng kháng nguyên). 	5
26	1 Kb Plus DNA Ladder	Hộp	Hộp/ ống	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/ ống - Nồng độ: 6X. - Dùng để định cỡ và định lượng gần đúng DNA sợi kép trong khoảng từ 75 bp đến 20.000 bp trên gel agarose. - Thang DNA bao gồm 15 đoạn DNA và được cung cấp Thuốc nhuộm tải DNA 6X TriTrack (chứa Xylene Cyanol FF, Bromophenol Blue, and Orange G). - Một thuốc nhuộm tải cho nhiều loại mẫu. 	6
27	100 bp DNA Ladder	Hộp	Hộp/ ống	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/ ống. - Nồng độ: 6X. 	8

				<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để định cỡ và định lượng gần đúng DNA sợi kép trong khoảng từ 100 bp đến 1.000 bp trên gel agarose hoặc polyacrylamide. - Thang DNA bao gồm 10 đoạn DNA và được cung cấp Thuốc nhuộm tải DNA 6X TriTrack (chứa Xylene Cyanol FF, Bromophenol Blue và Orange G).. - Một thuốc nhuộm tải cho nhiều loại mẫu. 	
28	6x Gelred™ loading buffer with tricolor	Ống	Ống/1ml	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Ống/1ml. - Chất nhuộm DNA thay thế cho Ethidium Bromide. - Là dung dịch nạp mẫu bao gồm chất có tỷ trọng cao, thuốc nhuộm theo dõi quá trình điện di và thuốc nhuộm GelRed. - Được thêm vào mẫu và nạp vào gel mà không cần thêm thuốc nhuộm DNA phát huỳnh quang vào gel agarose trong quá trình đổ gel. - Có sẵn ba thuốc nhuộm: Bromophenol Blue, Xylene Cyanol FF và Orange G giúp theo dõi quá trình điện di. 	8
29	dNTP Set 100 mM Solutions	Hộp	Hộp/ 4x0.25 mL	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/ 4 x 0,25 mL. - Nồng độ: 100mM. - pH: 7.3-7.5. - Độ tinh khiết: >99%. - Không chứa DNA của người và E. coli. 	16
30	DreamTaq™ Hot Start DNA Polymerase Thành phần: + 40 µL DreamTaq Hot Start DNA Polymerase (5 U/µL) + 1.25 mL 10X DreamTaq Buffer (includes 20 mM MgCl ₂)	Hộp	Hộp/200 units	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/200 units. - Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> + 40 µL DreamTaq Hot Start DNA Polymerase (5 U/µL). + 1.25 mL 10X DreamTaq Buffer (includes 20 mM MgCl₂). - Sử dụng kháng thể ức chế hoạt động của DNA polymerase ở nhiệt độ môi trường xung quanh để ngăn chặn sự khuếch đại của các sản phẩm không đặc hiệu trước bước khuếch đại. 	8

				<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cùng với bộ đệm DreamTaq 10X được tối ưu hóa có chứa magie clorua, loại bỏ nhu cầu tối ưu hóa rộng rãi các điều kiện phản ứng. - Sự khuếch đại thông thường của các đoạn gen DNA lên đến 6 kb. 	
31	Môi ISSR chạy phản ứng PCR	Môi	Ống/môi	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Ống/môi. - Nồng độ môi: 100 nmole/μL. - Độ tinh sạch: Salt free. - Độ dài môi: 17-18bp. - Các ống primer được giao dạng bột đã được xử lý đông khô. 	18
32	Môi SSR chạy phản ứng PCR	Môi	Ống/môi	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Ống/môi. - Nồng độ môi: 100 nmole/μL. - Độ tinh sạch: Salt free. - Độ dài môi: 17-18bp. - Các ống primer được giao dạng bột đã được xử lý đông khô. 	14
33	Môi RAPD chạy phản ứng PCR	Môi	Ống/môi	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Ống/môi. - Nồng độ môi: 100 nmole/μL. - Độ tinh sạch: Salt free. - Độ dài môi: 17-18bp. - Các ống primer được giao dạng bột đã được xử lý đông khô. 	40
34	Môi SRAP chạy phản ứng PCR	Môi	Ống/môi	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Ống/môi. - Nồng độ môi: 100 nmole/μL. - Độ tinh sạch: Salt free. - Độ dài môi: 17-18bp. - Các ống primer được giao dạng bột đã được xử lý đông khô. 	13
35	SmaI	Ống	Ống/1200 units	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Ống/1.200 units. - Nhận diện các vị trí CCC[^]GGG và cắt tốt nhất ở 30°C trong bộ đệm Tango. - Nồng độ: 10 U/μL. - Nhạy cảm với sự bất hoạt nhiệt. - Bộ đệm tương thích: 10X Buffer Tango. - Nhiệt độ phản ứng tối ưu: 30°. 	5

				<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống đệm năm mã màu thuận tiện. - BSA trộn sẵn trong dung dịch đệm phản ứng. 	
36	EcoRV	Ống	Ống/2000 units	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Ống/2.000 units. - Nhận diện các vị trí GAT[^]ATC và cắt tốt nhất ở 37°C trong bộ đệm R (Isoschizomers: EcoRV). - Nồng độ: 10 U/μL. - Nhạy cảm với sự bất hoạt nhiệt. - Nhiệt độ phản ứng tối ưu: 37°. - Bộ đệm tương thích: 10X Buffer R. - Hệ thống đệm năm mã màu thuận tiện. - BSA trộn sẵn trong dung dịch đệm phản ứng. 	5
37	pGEMT Vector	kit	Kit/20 test	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Kit/20 test. - Là hệ thống thuận tiện để nhân bản các sản phẩm PCR được tạo ra bởi một số polymerase bền nhiệt. - Sẵn sàng để sử dụng trong các phản ứng thất, được chuẩn bị bằng cách cắt Vector pGEM[®]-5Zf(+) bằng EcoRV và thêm thymidine đầu cuối 3' vào cả hai đầu. - Bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + pGEM[®]-T Vector (1.2μg). + Control Insert DNA (12μl). + 2X Rapid Ligation Buffer (200μl). + T4 DNA Ligase (100u). 	5
38	T4 DNA ligation kit	kit	Kit/50 reactions	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Kit/50 reactions. - Thất DNA đầu dính hoặc đầu cùn nhanh chóng chỉ trong 5 phút ở nhiệt độ phòng. - Chứa T4 DNA ligase và bộ đệm thất nhanh 5X có công thức đặc biệt được tối ưu hóa để thất DNA nhanh và hiệu quả. - Hỗn hợp phản ứng có thể được sử dụng trực tiếp để chuyển đổi vi khuẩn. 	5

				<ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm: T4 DNA Ligase, 5X Rapid Ligation Buffer, Water, nuclease-free. 	
39	IPTG/X-Gal (20 ml)	Chai	Chai/20ml	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai/20ml. - Được điều chế chỉ sử dụng nguyên liệu cấp Vi sinh vật và không độc hại. - Dạng bình xịt tiện lợi cho phép dàn đều dung dịch trên đĩa thạch. - Để có kết quả tốt nhất, hãy bôi lên đĩa thạch đã nguội hoàn toàn và để dung dịch khô trong 5-10 phút trước khi cấy mẫu của bạn. - Khi bôi lên các đĩa nuôi cấy tế bào, vi khuẩn biểu hiện gen lacZ có màu xanh đậm. Những thứ này sau đó có thể được chuyển sang một đĩa mới và được nuôi cấy để biểu hiện beta-Galactosidase. - Phương pháp này nhạy cảm với ánh sáng. 	3
40	Tryptone (500g)	Hộp	Hộp/500g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/500g. - Trạng thái: Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt. - Tan trong nước cất/ nước tinh khiết, không tan trong rượu và ether. - pH: 6.3 - 7.3 (trong dung dịch nước 2% w/v ở 25°C). - Tổng Ni tơ: $\geq 11.00\%$. - Thất thoát khi làm khô: $\leq 5.00\%$. 	5
41	Yeast extract (500g)	Hộp	Hộp/500g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/500g. - Trạng thái: Dạng bột, màu vàng nhạt đến vàng nâu. - Tan trong nước cất/ nước tinh khiết, không tan trong rượu. - pH: 6.5 - 7.5 (trong dung dịch nước 2% w/v ở 25°C). - Tổng Ni tơ: $\geq 10.50\%$. - Thất thoát khi làm khô: $\leq 6.00\%$. 	5
42	Glycerol (500 ml)	Chai	Chai/500ml	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai/500ml. - Công thức phân tử: C₃H₈O₃. - Độ tinh khiết: $\geq 99\%$. - Trạng thái: Chất lỏng nhớt. - Nhiệt độ sôi: 290°C. 	5

43	Agar, thạch môi trường (kg)	kg	Kg	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Gói/ 1Kg. - Có màu kem đồng nhất, mịn. - Dùng để pha môi trường nuôi cấy. - Tan tốt trong nước nóng trên 85°C, không tan trong nước lạnh. 	10
44	Môi SCAR	Môi	Ống/môi	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Ống/môi. - Nồng độ môi: 100 nmole/μL. - Độ tinh sạch: Salt free. - Độ dài môi: 15-30bp. - Nhiệt độ nóng chảy từ khoảng 58-60°C. - Các ống primer được giao dạng bột đã được xử lý đông khô. 	50
45	Potassium nitrate BioReagent, suitable for cell culture, suitable for plant cell culture	Chai	Chai 1kg	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 1kg. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: KNO₃. - Khối lượng phân tử: 101.10g/mol. - Thích hợp nuôi cấy tế bào, tế bào thực vật. - Trạng thái: Dạng bột hoặc tinh thể màu trắng. - Độ tinh khiết (chuẩn độ): $\geq 99.0\%$. 	7
46	Potassium chloride powder, BioReagent, suitable for cell culture, suitable for insect cell culture, $\geq 99.0\%$	Chai	Chai 500g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 500g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: KCl. - Khối lượng phân tử: 74.55 g/mol. - Thích hợp cho nuôi cấy tế bào, nuôi cấy tế bào côn trùng. - Trạng thái: Dạng bột màu trắng. - Độ tinh khiết (chuẩn độ bởi AgNO₃): $\geq 99.0\%$. 	8
47	Ammonium chloride for molecular biology, suitable for cell culture, $\geq 99.5\%$	Chai	Chai 500g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 500g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: NH₄Cl. - Khối lượng phân tử: 53.49 g/mol. - Thích hợp cho nuôi cấy tế bào. - Trạng thái: Dạng bột hoặc tinh thể màu trắng. - Độ tinh khiết (chuẩn độ bởi AgNO₃): $\geq 99.5\%$. - Kim loại nặng: ≤ 5 ppm. 	6
48	Sodium phosphate monobasic dihydrate purum p.a.,	Chai	Chai 5 kg	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 5 kg. - Cấp chất lượng: 300. - Khối lượng phân tử: 156.01 g/mol. - Trạng thái: Tinh thể, màu trắng hoặc không màu. 	4

	crystallized, ≥99.0%			<ul style="list-style-type: none"> - Độ tinh khiết (chuẩn 1M NaOH): 99.0 - 101.0%. - pH: 4.0 - 4.5. 	
49	Sodium Dihydrogenphosphate Dihydrate Guaranteed Reagent	Chai	Chai 500g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 500g. - Trạng thái: Tinh thể hoặc bột kết tinh màu trắng. - Độ tinh khiết: 99.0 - 102.0%. - pH (25°C, 50g/l): 4.1 - 4.5. - Kim loại nặng: ≤ 0.001%. 	4
50	Calcium chloride dihydrate BioReagent, suitable for cell culture, suitable for insect cell culture, suitable for plant cell culture, ≥99.0%	Chai	Chai 1kg	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 1kg. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: $\text{CaCl}_2 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$. - Khối lượng phân tử: 147.01g/mol. - Thích hợp cho nuôi cấy tế bào, nuôi cấy tế bào côn trùng, nuôi cấy tế bào thực vật. - Trạng thái: Dạng bột, màu trắng. - Độ tinh khiết: ≥ 99.0%. 	4
51	Magnesium sulfate heptahydrate, ReagentPlus®, ≥99.0%	Chai	Chai 1kg	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 1kg. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: $\text{MgSO}_4 \cdot 7\text{H}_2\text{O}$. - Khối lượng phân tử: 246.47 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột hoặc tinh thể, màu trắng. - Độ tinh khiết: ≥ 99.0%. 	4
52	Ethylenediaminetetraacetic acid ferric sodium salt	Chai	Chai 500g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 500g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: $\text{C}_{10}\text{H}_{12}\text{N}_2\text{NaFeO}_8$. - Công thức phân tử: 367.05 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột hoặc tinh thể, màu vàng nhạt đến be hoặc nâu. - Thích hợp cho nuôi cấy tế bào thực vật. - Độ tinh khiết (chuẩn độ với EDTA): ≥ 67.5%. 	4
53	Manganese(II) sulfate monohydrate BioReagent, plant cell culture tested, cell culture tested	Chai	Chai 500g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 500g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: $\text{MnSO}_4 \cdot \text{H}_2\text{O}$. - Khối lượng phân tử: 169.02 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột màu đỏ nhạt. 	6

				<ul style="list-style-type: none"> - Thích hợp nuôi cấy tế bào, nuôi cấy tế bào thực vật. - Độ tinh khiết (chuẩn độ với EDTA): $\geq 99\%$. 	
54	Potassium iodide ReagentPlus®, 99%	Chai	Chai 500g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 500g. - Cấp chất lượng: 100. - Công thức phân tử: KI. - Khối lượng phân tử: 166.00 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột hoặc tinh thể màu trắng. - Độ tinh khiết: 99%. - Hàm lượng Iod (chuẩn độ AgNO₃): 75.3 - 77.6%. 	4
55	Zinc sulfate heptahydrate plant cell culture tested	Chai	Chai 500g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 500g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: ZnSO₄·7H₂O. - Khối lượng phân tử: 287.56 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột màu trắng. - Độ tinh khiết (chuẩn độ với EDTA): $\geq 99.0\%$. - Thích hợp nuôi cấy tế bào thực vật. 	4
56	Boric acid BioReagent, for molecular biology, suitable for cell culture, suitable for plant cell culture, $\geq 99.5\%$	Chai	Chai 500g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 500g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: H₃BO₃. - Khối lượng phân tử: 61.83 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột màu trắng. - Độ tinh khiết (chuẩn độ với NaOH): $\geq 99.5\%$. - Thích hợp nuôi cấy tế bào, nuôi cấy tế bào thực vật. 	4
57	Cobalt(II) chloride 97%	Chai	Chai 100g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 100g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: CoCl₂. - Khối lượng phân tử: 129.84 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột. - Độ tinh khiết: 97%. 	4
58	Sodium molybdate dihydrate $\geq 99.5\%$, plant cell culture tested	Chai	Chai 100g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 100g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: Na₂MoO₄·2H₂O. - Khối lượng phân tử: 241.95 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột màu trắng. 	4

				<ul style="list-style-type: none"> - Độ tinh khiết (chuẩn độ với KMnO_4): $\geq 99,5\%$. - Thích hợp nuôi cấy tế bào thực vật. 	
59	Copper(II) sulfate pentahydrate BioReagent, suitable for cell culture, $\geq 98\%$	Chai	Chai 1KG	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 1Kg. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: $\text{CuSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$. - Trạng thái: Dạng bột màu xanh nhạt đến xanh đậm. - Độ tinh khiết (chuẩn độ với $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3$): $\geq 98\%$. - Thích hợp nuôi cấy tế bào. 	4
60	Cupric sulphate pentahydrate	Chai	Chai 100g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 100g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: $\text{CuSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$. - Trạng thái: tinh thể màu xanh. - Độ tinh khiết: $\geq 98\%$. - Áp suất hơi: 7.3mmHg. 	4
61	Nickel(II) chloride hexahydrate BioReagent, suitable for cell culture	Chai	Chai 500g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 500g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: $\text{NiCl}_2 \cdot 6\text{H}_2\text{O}$. - Khối lượng phân tử: 237.69 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột màu xanh lá nhạt đến xanh lá đậm. - Hàm lượng Nickel (chuẩn độ EDTA): 23.0 -26.0%. - Thích hợp nuôi cấy tế bào. 	4
62	myo-Inositol BioReagent, suitable for cell culture, suitable for insect cell culture, suitable for plant cell culture	Chai	Chai 500g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 500g. - Cấp chất lượng: 300. - Công thức phân tử: $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$. - Khối lượng phân tử: 180.16 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột màu trắng. - Độ tinh khiết (GC): $\geq 99\%$. - Thích hợp nuôi cấy tế bào, nuôi cấy tế bào côn trùng, nuôi cấy tế bào thực vật. 	4
63	D-Pantothenic acid hemicalcium salt BioReagent, suitable for cell culture, suitable for insect cell culture, suitable	Chai	Chai 500g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 500g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: $\text{C}_9\text{H}_{16}\text{NO}_5 \cdot \frac{1}{2}\text{Ca}$. - Trạng thái: Dạng bột màu trắng đến trắng ngà. - Độ tinh khiết (TLC): $\geq 98\%$. 	5

	for plant cell culture			<ul style="list-style-type: none"> - Thích hợp nuôi cấy tế bào, nuôi cấy tế bào côn trùng, nuôi cấy tế bào thực vật. 	
64	D-calcium pantothenate	Chai	Chai 5g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 5g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: $\text{HOCH}_2\text{C}(\text{CH}_3)_2\text{CH}(\text{OH})\text{CONHCH}_2\text{CH}_2\text{CO}_2 \cdot \frac{1}{2}\text{Ca}$. - Khối lượng phân tử: 238.27 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột hoặc tinh thể màu trắng. - Độ tinh khiết: $\geq 98\%$. - Kim loại nặng: $\leq 0.002\%$. 	5
65	Nicotinic acid BioReagent, suitable for cell culture, suitable for insect cell culture, suitable for plant cell culture, $\geq 98\%$	Chai	Chai 100g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 100g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: $\text{C}_6\text{H}_5\text{NO}_2$. - Khối lượng phân tử: 123.11 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột màu trắng đến trắng ngà. - Độ tinh khiết (chuẩn độ NaOH): $\geq 98\%$. - Thích hợp nuôi cấy tế bào, nuôi cấy tế bào côn trùng, nuôi cấy tế bào thực vật. 	5
66	Pyridoxine hydrochloride BioReagent, suitable for cell culture, suitable for insect cell culture, suitable for plant cell culture	Chai	Chai 100g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 100g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: $\text{C}_8\text{H}_{11}\text{NO}_3 \cdot \text{HCl}$. - Khối lượng phân tử: 205.64 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột màu trắng đến trắng ngà. - Độ tinh khiết (HPLC): $\geq 98\%$. - Thích hợp nuôi cấy tế bào, nuôi cấy tế bào côn trùng, nuôi cấy tế bào thực vật. 	5
67	Thiamine hydrochloride BioReagent, suitable for cell culture, suitable for insect cell culture, suitable	Chai	Chai 100g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 100g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: $\text{C}_{12}\text{H}_{17}\text{ClN}_4\text{OS} \cdot \text{HCl}$. - Khối lượng phân tử: 337.27 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột màu trắng. - Độ tinh khiết (HPLC): $\geq 99\%$. 	4

	for plant cell culture			<ul style="list-style-type: none"> - Thích hợp nuôi cấy tế bào, nuôi cấy tế bào côn trùng, nuôi cấy tế bào thực vật. 	
68	L-Ascorbic acid suitable for cell culture, suitable for plant cell culture, $\geq 98\%$	Chai	Chai 100g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 100g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: $C_6H_8O_6$. - Khối lượng phân tử: 176.12 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột màu trắng đến vàng nhạt. - Độ tinh khiết: $\geq 98\%$. - Thích hợp nuôi cấy tế bào, nuôi cấy tế bào thực vật. 	4
69	Biotin $\geq 99\%$ (TLC), lyophilized powder	Chai	Chai 1g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 1g. - Cấp chất lượng: 300. - Công thức phân tử: $C_{10}H_{16}N_2O_3S$. - Khối lượng phân tử: 244.31 g/mol. - Trạng thái: dạng bột đông khô màu trắng đến trắng ngà. - Độ tinh khiết (HPLC): $\geq 99\%$. - Hàm lượng carbon: 48.5 - 49.9%. 	6
70	(2,4-Dichlorophenoxy) acetic acid sodium salt monohydrate plant cell culture tested, BioReagent	Chai	Chai 25g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 25g. - Cấp chất lượng: 200. - Khối lượng phân tử: 261.03 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột màu trắng đến trắng ngà. - Độ tinh khiết (GC): $\geq 98\%$. - Hàm lượng Natri khan: 7.1 - 11.8 %. - Thích hợp nuôi cấy tế bào thực vật. 	7
71	2,4-Dichlorophenoxy acetic acid plant cell culture tested, $\geq 95\%$, crystalline	Chai	Chai 500g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 500g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: $C_8H_6Cl_2O_3$. - Khối lượng phân tử: 221.04 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột hoặc tinh thể màu trắng đến vàng nhạt. - Độ tinh khiết (GC): $\geq 95\%$. 	1
72	p-Chlorophenoxyacetic acid (4-CPA)	Chai	Chai 25g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 25g. - Cấp chất lượng: 200. - Khối lượng phân tử: 186.59 g/mol. - Độ tinh khiết (GC): 99%. - Trạng thái: Dạng bột kết tinh màu trắng đến trắng ngà. 	1

				<ul style="list-style-type: none"> - Thích hợp cho nuôi cấy tế bào. 	
73	Acid 2,4-Dichlorophenoxy acetic	Chai	Chai 500g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 500g. - Công thức phân tử: $C_8H_6O_3Cl_2$. - Khối lượng phân tử: 221.0 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột kết tinh màu xám đến nâu nhạt. - Độ tinh khiết: $\geq 98\%$. - Thất thoát khi làm khô: $\leq 0.5\%$. 	4
74	Indole-3-butyric acid	Chai	Chai 25g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 25g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: $C_{12}H_{13}NO_2$. - Khối lượng phân tử: 203.24 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột, màu vàng nhạt đến vàng hoặc nâu. - Độ tinh khiết (TLC): $\geq 98\%$. - Thích hợp cho nuôi cấy tế bào thực vật. 	1
75	1-Naphthaleneacetic acid	Chai	Chai 100g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 100g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: $C_{12}H_{10}O_2$. - Khối lượng phân tử: 186.21 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt. - Độ tinh khiết (GC): $\geq 95\%$. - Thích hợp cho nuôi cấy tế bào thực vật. 	1
76	Picloram	Chai	Chai 50g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 50g. - Công thức phân tử: $C_6H_3Cl_3N_2O_2$. - Khối lượng phân tử: 241.46 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột, màu trắng đến nâu ngả vàng. - Hàm lượng Chloride (chuẩn độ): 42.5 - 45.6 %. - Độ tinh khiết (HPLC): $\geq 97\%$. - Thích hợp cho nuôi cấy tế bào thực vật. 	1
77	6-Benzylaminopurine	Chai	Chai 25g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 25g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: $C_{12}H_{11}N_5$. - Khối lượng phân tử: 225.25 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột, màu trắng đến trắng ngà. 	3

				<ul style="list-style-type: none"> - Độ tinh khiết (HPLC): $\geq 98\%$. - Thích hợp cho nuôi cấy tế bào thực vật. 	
78	6-(γ,γ -Dimethylallylami no)purine	Chai	Chai 1g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 1g. - Khối lượng phân tử: 203.24 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột, màu trắng đến trắng ngà. - Độ tinh khiết (HPLC): $\geq 98.5\%$. - Thích hợp cho nuôi cấy tế bào thực vật. 	1
79	Kinetin	Chai	Chai 1g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 1g. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: C₁₀H₉N₅O. - Khối lượng phân tử: 215.21 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột hoặc tinh thể màu trắng. - Độ tinh khiết (HPLC, TLC): $\geq 98\%$. - Thích hợp cho nuôi cấy tế bào thực vật. 	1
80	trans-Zeatin for Biochemistry	Chai	Chai 10mg	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 10mg. - Công thức phân tử: C₁₀H₁₃N₅O. - Khối lượng phân tử: 219.24 g/mol. - Trạng thái: Tinh thể hoặc bột kết tinh, màu trắng đến hơi nâu. - Độ tinh khiết (HPLC): $\geq 98\%$. 	2
81	(\pm)-Abscisic acid	Chai	Chai 500mg	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 500mg. - Công thức phân tử: C₁₅H₂₀O₄. - Khối lượng phân tử: 264.3 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột, màu trắng. - Độ tinh khiết: $\geq 98\%$. - Bảo quản ở nhiệt độ -20°C, tránh ánh sáng. 	2
82	Ancymidol	Chai	Chai 25mg	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 25mg. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: C₁₅H₁₆N₂O₂. - Khối lượng phân tử: 256.3 AMU. - Trạng thái: Dạng bột màu trắng. - Độ tinh khiết (TLC): $\geq 98\%$. - Thích hợp cho nuôi cấy tế bào thực vật. 	1
83	Gibberellic acid	Chai	Chai 1g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 1g. - Cấp chất lượng: 200. 	1

				<ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng phân tử: 346.37 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột, màu trắng đến trắng ngà. - Độ tinh khiết: $\geq 90\%$ gibberellin A3 (trong tổng số gibberellin.). - Thích hợp cho nuôi cấy tế bào thực vật. 	
84	Activated charcoal	Chai	Chai 2,5kg	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 2,5kg. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: C. - Khối lượng phân tử: 12.01 g/mol. - Trạng thái: Dạng bột màu đen. - Độ ẩm: $\leq 10\%$. - Thích hợp cho nuôi cấy tế bào, nuôi cấy tế bào thực vật. 	13
85	Sucrose	Thùng	Thùng 5kg	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Thùng 5kg. - Cấp chất lượng: 200. - Công thức phân tử: C₁₂H₂₂O₁₁. - Khối lượng phân tử: 342.30 g/mol. - Trạng thái: Dạng tinh thể. - Độ tinh khiết (HPLC): $\geq 99.5\%$. - Dùng cho sinh học phân tử. 	6
86	Phytigel	Chai	Chai 5kg	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 5kg. - Cấp chất lượng: 200. - Trạng thái: Dạng bột màu trắng đến trắng ngà. - Độ tan: 10 mg/ml (H₂O), tạo thành dung dịch trong suốt hoặc hơi đục, không màu đến vàng nhạt. - Độ truyền qua bề mặt: $\geq 80\%$. - Thích hợp cho nuôi cấy tế bào thực vật. 	15
87	Ethanol 96%	Thùng	Thùng 500ml	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Thùng 500ml. - Công thức phân tử: C₂H₅OH. - Khối lượng phân tử: 46.07 g/mol. - Độ tinh khiết (V/V): 95.1 - 96.9%. - Ti trọng (20°C): 0.805 - 0.812 g/cm³. 	10
88	Ethanol 70%	Thùng	Thùng 30L	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Thùng 30L. - Công thức hóa học: C₂H₅OH hoặc C₂H₆O. - Nồng độ: 70%. 	4

				<ul style="list-style-type: none"> - Là chất lỏng không màu, trong suốt. - Có mùi thơm đặc trưng dễ chịu, tan vô hạn trong nước. 	
89	Absolute ethanol	Chai	Chai 1L	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 1L. - Công thức phân tử: C₂H₅OH. - Khối lượng phân tử: 46.07 g/mol. - Độ tinh khiết (GC): ≥ 99.9 %. - Tỉ trọng (20°C): 0.790 - 0.793 g/cm³. - Pb (Lead): ≤ 0.00001 %. 	11
90	Sodium hypochlorite solution	Chai	Chai 2.5L	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 2.5L. - Nhiệt độ sôi: 102°C. - Tỉ trọng: 1.22 g/cm³ (20°C). - pH: 12 - 13 (H₂O, 20°C). - Hàm lượng chlorine hoạt tính: 6-14%. - Kiểm tự do (như NaOH): ≤ 1.0 %. 	12
91	Calcium hypochlorite	Chai	Chai 500g	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 500g. - Công thức phân tử: CaCl₂O₂. - Khối lượng phân tử: 142.99 g/mol. - Tỉ trọng: 2.350 g/cm³. - Độ tinh khiết: 67.0 - 75.0%. - Nhiệt độ nóng chảy: 100°C. 	4
92	Calcium hypochlorite, technical	Chai	Chai 1kg	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Chai 1kg. - Cấp chất lượng: 100. - Công thức phân tử: CaCl₂O₂. - Khối lượng phân tử: 142.98 g/mol. - Trạng thái: Chất rắn, dạng hạt hoặc bột, màu trắng đến xanh nhạt. - Hàm lượng clo có sẵn (chuẩn độ bởi Na₂S₂O₃): ≥ 65%. 	4
II Vật tư phòng thí nghiệm					
93	Giấy lọc đ.tính 1, TB nhanh 11um, 110mm	Hộp	Hộp/100 tờ	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/100 tờ. - Chất liệu: Cellulose. - Đường kính: 110mm. - Loại giấy tròn. - Độ dày: 180 μm. 	14
94	Giấy PM996 Parafilm M Cuộn 4"x125' (10cmx38m)	Cuộn	Cuộn	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Cuộn 4"x125' (10cmx38m). - Có thể kéo dài hơn 350% chiều dài ban đầu và tự hàn kín, cho phép bám quanh các bề mặt và hình dạng không đều. - Thẩm được khí O₂ và CO₂. 	22

				<ul style="list-style-type: none"> - Độ dày: 127 μm. - Điểm làm mềm: 54°C. - Điểm nóng chảy: 100°C. 	
95	Màng nhôm, (Giấy bạc), 45.7cmx7.62m	Cuộn	Cuộn	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: nhôm nguyên chất. - Kích thước: 45.7cmx7.62m. - Chịu được nhiệt độ cao. 	38
96	Xi lanh có kim 10 ml	Hộp	Hộp/100 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/100 cái. - Kích cỡ kim: 23G x 1". - Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế. - Chất liệu làm thân kim: thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. 	18
97	Xi lanh có kim 50 ml	Hộp	Hộp/25 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/25 cái. - Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim: Nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế. - Piston có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. - Chất liệu làm thân kim: thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. 	18
98	Dao mổ số 11	Hộp	Hộp/100 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/100 cái. - Được làm bằng thép không gỉ. - Lưỡi số 11 cho các vết rạch nhỏ. - Lưỡi dao mổ dùng một lần. 	18
99	Cán dao mổ số 4	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: thép inox không gỉ. - Tay cầm: Tay cầm dẹt. - Dùng lưỡi dao số: 20, 21, 22, 23. 	18
100	Sterilizer, dry bead Steri 250, AC/DC input 240 V AC	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước máy: (14,5 x 12,5 x 13,5)cm. - Độ sâu x đường kính giếng: (8 x 4)cm. - Các hạt thủy tinh trong giếng được duy trì ở 250°C để tiêu diệt hoàn toàn vi sinh vật và bào tử chỉ trong vài giây. - Chất liệu giếng và nắp: Thép mạ crôm-niken chống gỉ. 	14
101	Steri Sterilizer replacement glass beads for Steri 250	Bộ	Bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng hạt được xác định theo trọng lượng. - Hộp 150g. 	40

102	Ống ly tâm nhựa 50ml, không Rnase & Dnase, tiệt trùng	Thùng	Thùng/500 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Thùng/500 cái. - Chất liệu: Nhựa PP (thân ống), HDPE (nắp). - Dạng tuýp đáy nhọn, tiệt trùng. - Kích thước ngoài: (30 x 116,7)mm. - RCF 14000. - Không chứa DNase/Rnase và DNA người. 	14
103	Ống ly tâm nhựa 15ml, không Rnase & Dnase, tiệt trùng	Thùng	Thùng/500 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Thùng/500 cái. - Chất liệu: nhựa PP (thân ống), HDPE (nắp) - Dạng tuýp đáy nhọn, tiệt trùng. - Kích thước ngoài: (17 x 120,7)mm. - RCF 13000. - Không chứa DNase/Rnase và DNA người. 	9
104	Bình phun xịt phun sương (côn), hoá chất, nước 500 ml	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Dung tích: 500ml. - Chất liệu: nhựa cao cấp. - Vòi xịt lực mạnh, đa dạng kiểu phun. 	18
105	Phin lọc Nylon, lỗ lọc 0.45 μ m, Ø25mm	Hộp	Hộp/50 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/50 cái. - Chất liệu màng: Nylon. - Khung phin lọc: Làm tự nhựa PP. - Lỗ lọc: 0.45 μm. - Đường kính: Ø25mm. - Được tiệt trùng. 	14
106	Phin lọc Nylon, lỗ lọc 0.2 μ m, Ø25mm	Hộp	Hộp/50 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/50 cái. - Chất liệu màng: Nylon. - Khung phin lọc: Làm tự nhựa PP. - Lỗ lọc: 0.2 μm. - Đường kính: Ø25mm. - Được tiệt trùng. 	14
107	Bình Duran thủy tinh 100 ml	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thủy tinh. - Sợi DIN: 45. - Đường kính cổ: 56mm. - Chiều cao: 105mm. - Nắp vận và vòng đệm rót bằng nhựa PP màu xanh. - Dùng trong bảo quản, chuẩn bị mẫu, vận chuyển, phương tiện hấp tiệt trùng,.. 	20
108	Bình Duran thủy tinh 250 ml	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thủy tinh. - Sợi DIN: 45. 	20

				<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính cổ: 70mm. - Chiều cao: 143mm. - Nắp vặn và vòng đệm rót bằng nhựa PP màu xanh. - Dùng trong bảo quản, chuẩn bị mẫu, vận chuyển, phương tiện hấp tiệt trùng,.. 	
109	Bình Duran thủy tinh 500 ml	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thủy tinh. - Sợi DIN: 45. - Đường kính cổ: 86mm. - Chiều cao: 181mm. - Nắp vặn và vòng đệm rót bằng nhựa PP màu xanh. - Dùng trong bảo quản, chuẩn bị mẫu, vận chuyển, phương tiện hấp tiệt trùng,.. 	20
110	Bình Duran thủy tinh 1000 ml	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thủy tinh. - Sợi DIN: 45. - Đường kính cổ: 101mm. - Chiều cao: 230mm. - Nắp vặn và vòng đệm rót bằng nhựa PP màu xanh. - Dùng trong bảo quản, chuẩn bị mẫu, vận chuyển, phương tiện hấp tiệt trùng,.. 	20
111	Bao Ni lông hấp dụng cụ	Kg	Kg	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng chịu nhiệt độ cao. - Dùng để hấp dụng cụ. 	150
112	Túi hấp dụng cụ 300mm x 200 mm	Cuộn	Cuộn	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để đóng gói các dụng cụ y tế, thiết bị, cần được tiệt trùng trước khi sử dụng hoặc bảo quản bằng khí EO hoặc hấp tiệt trùng. - Có các vạch chỉ thị sẽ đổi màu giúp các người sử dụng nhận biết chính xác dụng đã trải qua tiệt trùng đúng và đủ quy trình hay chưa. 	8
113	Khăn giấy phòng thí nghiệm	Xấp	Xấp/100 tờ	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Xấp/100 tờ. - Nguyên liệu 100% bột giấy, đảm bảo đủ chất lượng khi dùng. - Số lớp: 1. - Giấy dai, mềm, không tan trong nước. 	350
114	Khẩu trang y tế (có lớp than hoạt tính)	Hộp	Hộp/50 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/50 cái. - Kích thước khẩu trang: (9.5 x 17.5)cm. 	180

				<ul style="list-style-type: none"> - Có 4 lớp bảo vệ. - Lớp vải lọc khí và lớp vải than hoạt tính (được ép 100% than hoạt tính nguyên chất) không thấm nước, thoáng khí, không gây dị ứng da. - Khả năng lọc các loại khí H₂S, SO₂, CO, NH₃... và lọc bụi cao hơn khẩu trang thông thường trên 90%. 	
115	Ống nghiệm không vành 25x150mm	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Thể tích ống xấp xỉ 55ml. - Đường kính: 25mm. - Chiều cao: 150mm. 	1500
116	Ống nghiệm không vành 25x200mm	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Thể tích ống xấp xỉ 70ml. - Đường kính: 25mm. - Chiều cao: 200mm. 	1500
117	Đĩa Petri nhựa 100 x 20 mm (Corning - Mỹ)	Thùng	Thùng/500 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Thùng/500 cái. - Được làm từ polystyrene nguyên chất trong suốt về mặt quang học. - Được xử lý để gắn tế bào tối ưu. - Khử trùng bằng bức xạ gamma và không gây sốt. - Diện tích bề mặt tăng trưởng: 55 cm². 	90
118	Đĩa Petri nhựa 100 x 25mm	Thùng	Thùng/400 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Thùng/400 cái. - Được làm từ nhựa y tế Polystyrene. - Nắp và thân đĩa phẳng. - Được tiệt trùng bằng tia gamma, đặc biệt hoàn toàn trong, thuận tiện cho việc nuôi cấy và quan sát. 	90
119	Chai thủy tinh cấy mô 250 ml (chai nước biển), không nắp	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thủy tinh. - Dạng chai nước biển, không nắp. - Thể tích chai: 250ml. - Dùng để nuôi cấy mô, nuôi trồng nấm, các dạng mô thực vật... 	1500
120	Hũ thủy tinh cấy mô 380 ml, nắp vặn	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Cái. - Chất liệu: Thủy tinh. - Thể tích chai: 380ml. - Dùng để nuôi cấy mô, nuôi trồng nấm, các dạng mô thực vật... 	2200
121	Chai thủy tinh cấy mô 500 ml (chai nước biển), không nắp	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thủy tinh. - Dạng chai nước biển, không nắp. - Thể tích chai: 500ml. - Dùng để nuôi cấy mô, nuôi trồng nấm, các dạng mô thực vật... 	2000

122	Hũ thủy tinh cây mô 500 ml, nắp vặn	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thủy tinh. - Thể tích chai: 500ml. - Dùng để nuôi cấy mô, nuôi trồng nấm, các dạng mô thực vật... 	2200
123	Lam kính mài mờ 26x76x1mm	Hộp	Hộp/50 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/50 cái. - Làm bằng thủy tinh soda vôi của lớp thủy phân thứ ba. - Vùng đánh dấu mờ mờ rộng khoảng 20mm ở cả hai bên. - Có thể hấp tiệt trùng. 	40
124	Phiến kính 24x40mm	Hộp	Hộp/100 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/100 cái. - Chất liệu: thủy tinh borosilicate. - Hoàn toàn trong suốt, phù hợp với kính hiển vi huỳnh quang. - Kích thước: (24 x 40)mm. - Độ dày: 0.13 - 0.16 mm. 	40
125	Micropipette pipette 20-200ul, fullautoclavable, 20 min, 121°C	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: cái. - Có thể hấp tiệt trùng (20 phút, 121°C). - Thể tích được cài dễ dàng bằng vòng cài đặt chạy trơn tru. - Pít-tông và đầu phun chống ăn mòn. - Đầu phun hình nón tương thích với nhiều loại đầu tip trên thị trường. - Độ chính xác: $< \pm 0.8\%$. 	14
126	Micropipette pipette 100-1000ul, fullautoclavable, 20 min, 121°C	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Cái. - Có thể hấp tiệt trùng (20 phút, 121°C). - Thể tích được cài dễ dàng bằng vòng cài đặt chạy trơn tru. - Pít-tông và đầu phun chống ăn mòn. - Đầu phun hình nón tương thích với nhiều loại đầu tip trên thị trường. - Độ chính xác: $< \pm 0.8\%$. 	14
127	Micropipette pipette 1000-5000ul, fullautoclavable, 20 min, 121°C	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Cái. - Có thể hấp tiệt trùng (20 phút, 121°C). - Thể tích được cài dễ dàng bằng vòng cài đặt chạy trơn tru. - Pít-tông và đầu phun chống ăn mòn. - Đầu phun hình nón tương thích với nhiều loại đầu tip trên thị trường. 	9

				<ul style="list-style-type: none"> - Độ chính xác: $< \pm 0.6\%$. 	
128	Đầu tuýp xanh 1000ul, không lọc, không tiệt trùng	Túi	Túi/1000 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Túi/1.000 cái. - Chất liệu: nhựa PP y tế có độ tinh khiết cao - Trong suốt và chống thấm nước tốt. - Dải thể tích: 50 - 1000ul. - Màu sắc: Màu xanh dương. - Tương thích với nhiều dòng pipet như: Eppendorf, Gilson® Pipetman P1000, Nichiryo, Finnpiquette,... 	5
129	Găng tay Nitril, size L	Hộp	Hộp/100 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/100 cái. - Chất liệu: Cao su Nitril nhân tạo. - Loại không bột chưa tiệt trùng: Dùng cho cả 2 tay; bề mặt đầu ngón tay nhám; xe viền cổ tay; màu trắng hay có màu (xanh dương, xanh dương nhạt...). - Bảo vệ tay khỏi các chất không mong muốn hoặc nguy hiểm. - Chiều dài: 230mm. - Size: L. 	105
130	Găng tay Nitril, size M	Hộp	Hộp/100 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/100 cái. - Chất liệu: cao su Nitril nhân tạo. - Loại không bột chưa tiệt trùng: Dùng cho cả 2 tay; bề mặt đầu ngón tay nhám; xe viền cổ tay; màu trắng hay có màu (xanh dương, xanh dương nhạt...). - Bảo vệ tay khỏi các chất không mong muốn hoặc nguy hiểm. - Chiều dài: 230mm. - Size: M. 	105
131	Găng tay Nitril, size S	Hộp	Hộp/100 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/100 cái. - Chất liệu: cao su Nitril nhân tạo. - Loại không bột chưa tiệt trùng: Dùng cho cả 2 tay; bề mặt đầu ngón tay nhám; xe viền cổ tay; màu trắng hay có màu (xanh dương, xanh dương nhạt...). - Bảo vệ tay khỏi các chất không mong muốn hoặc nguy hiểm. - Chiều dài: 230mm. - Size: S. 	105

132	Găng tay Latex (cao su) không bột, size L	Hộp	Hộp/100 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/100 cái. - Chất liệu: Cao su tự nhiên chất lượng cao. - Hàm lượng bột: 2mg/găng (tiêu chuẩn ASTM D6124, EN 455-03). - Màu sắc: Màu trắng hoặc ngà vàng. - Có mép cuộn cổ tay giúp việc đeo găng dễ dàng hơn. - Dùng cho cả 2 tay. - Size: L. 	105
133	Găng tay Latex (cao su) không bột, size M	Hộp	Hộp/100 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/100 cái. - Chất liệu: Cao su tự nhiên chất lượng cao. - Hàm lượng bột: 2mg/găng (tiêu chuẩn ASTM D6124, EN 455-03). - Màu sắc: Màu trắng hoặc ngà vàng. - Có mép cuộn cổ tay giúp việc đeo găng dễ dàng hơn. - Dùng cho cả 2 tay. - Size: M. 	105
134	Găng tay Latex (cao su) không bột, size S	Hộp	Hộp/100 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/100 cái. - Chất liệu: Cao su tự nhiên chất lượng cao. - Hàm lượng bột: 2mg/găng (tiêu chuẩn ASTM D6124, EN 455-03). - Màu sắc: Màu trắng hoặc ngà vàng. - Có mép cuộn cổ tay giúp việc đeo găng dễ dàng hơn. - Dùng cho cả 2 tay. - Size: S. 	105
135	Ống ly tâm nhựa 50ml, nắp PE, không có pyrogenic, tiệt trùng	Thùng	Thùng/500 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Thùng/500 cái. - Thân ống: Làm bằng nhựa PP y tế có độ trong suốt cao. - Nắp dạng phẳng: Làm bằng nhựa PE y tế. - Không chứa RNase&Dnase, pyrogenic. - Đã tiệt trùng. - Chịu được lực ly tâm 9400RCF. 	10
136	Ống ly tâm nhựa 15ml, nắp PE, không có pyrogenic, tiệt trùng	Thùng	Thùng/500 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Thùng/500 cái. - Thân ống: Làm bằng nhựa PP y tế có độ trong suốt cao. - Nắp dạng phẳng: Làm bằng nhựa PE y tế. - Không chứa RNase&Dnase, 	10

				<p>pyrogenic.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã tiệt trùng. - Chịu được lực ly tâm 8400RCF. 	
137	Tuýp ly tâm 1.7 mL, nắp bật, Clear, Dnase/Rnase free, non-sterile	Thùng	Thùng/500 0 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Thùng/5.000 cái. - Chất liệu: Làm từ nhựa PP, trong suốt. - Chịu được lực ly tâm đến 14000RCF. - Dạng nắp bật. - Không chứa RNase&Dnase, pyrogenic. - Có chia vạch từ 0.1 - 1.5 mL . - Không tiệt trùng. 	20
138	Đầu tuýp xanh 5-1000µl, 1000 cái/gói, dài 78mm không RNase & Dnase, endotoxin,	Túi	Túi/1000 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Túi/1.000 cái. - Chất liệu: nhựa PP, có thể hấp tiệt trùng. - Thích hợp với các loại pipet thủ công và điện tử tiêu chuẩn. - Không chứa RNase và Dnase, pyrogenic. - Chiều dài: 78mm. 	50
139	Đầu tuýp vàng 200ul, không lọc, không tiệt trùng	Túi	Túi/1000 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Túi/1.000 cái. - Chất liệu: nhựa PP y tế có độ tinh khiết cao. - Trong suốt và chống thấm nước tốt. - Dải thể tích: 5 - 200ul. - Màu sắc: Màu vàng. - Không tiệt trùng. 	56
140	Đầu tuýp trắng 10µl không lọc, không RNase & Dnase, endotoxin, không tiệt trùng	Túi	Túi/1000 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Túi/1.000 cái. - Chất liệu: nhựa PP, có thể hấp tiệt trùng. - Thích hợp với các loại pipet thủ công và điện tử tiêu chuẩn . - Không chứa RNase và Dnase, pyrogenic. - Chiều dài: 31.9mm. 	76
141	Micropipette pipette 10-100ul, fullautoclavable, 20 min, 121°C	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể hấp tiệt trùng (20 phút, 121°C). - Thể tích được cài dễ dàng bằng vòng cài đặt chạy trơn tru. - Pít-tông và đầu phun chống ăn mòn. - Đầu phun hình nón tương thích với nhiều loại đầu tip trên thị trường. 	5

				<ul style="list-style-type: none"> - Độ chính xác: $< \pm 1\%$. 	
142	Micropipette pipette 0,5-10ul, fullautoclavable, 20 min, 121°C	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể hấp tiệt trùng (20 phút, 121°C) - Thẻ tích được cài dễ dàng bằng vòng cài đặt chạy trơn tru - Pít-tông và đầu phun chống ăn mòn - Đầu phun hình nón tương thích với nhiều loại đầu tip trên thị trường - Độ chính xác: $< \pm 1.5\%$. 	5
143	Cốc đốt thành thấp 1000 ml	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thủy tinh. - Thẻ tích: 1.000ml. - Dạng cốc có mỏ, thành thấp. 	10
144	Cốc đốt thành thấp 500 ml	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thủy tinh. - Thẻ tích: 500ml. - Dạng cốc có mỏ, thành thấp 	10
145	Cốc đốt thành thấp 100 ml	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thủy tinh. - Thẻ tích: 100ml. - Dạng cốc có mỏ, thành thấp 	10
146	Cốc đốt thành thấp 50 ml	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thủy tinh. - Thẻ tích: 50ml. - Dạng cốc có mỏ, thành thấp. 	10
147	Cá từ 20x6 mm	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Phủ bên ngoài bởi lớp PTFE. - Khả năng kháng hóa chất tốt. - Dạng hình trụ, bề mặt nhẵn. - Kích thước: (20 x 6)mm. 	10
148	Cá từ 25x6 mm	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Phủ bên ngoài bởi lớp PTFE. - Khả năng kháng hóa chất tốt. - Dạng hình trụ, bề mặt nhẵn. - Kích thước: (25 x 6)mm. 	10
149	Cá từ 30x6 mm	Cái	Cái	<ul style="list-style-type: none"> - Phủ bên ngoài bởi lớp PTFE. - Khả năng kháng hóa chất tốt. - Dạng hình trụ, bề mặt nhẵn. - Kích thước: (30 x 6)mm. 	10
150	Hộp giấy kimwipe	Hộp	Hộp/280 tờ	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/280 tờ. - Kích thước: 4.39" x 8.2" (khoảng 11.1cm x 20.8cm). - Số lớp: 1. - Dùng để đánh bóng đồ thủy tinh, làm sạch dụng cụ phòng thí nghiệm và các bề mặt mỏng manh khác. 	30
151	Tuýp PCR 0.2ml, nắp bằng, không	Túi	Túi/1000 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Túi/1.000 cái. - Làm bằng polypropylene y tế chất lượng cao. 	50

	RNase & Dnase, endotoxin			<ul style="list-style-type: none"> - Các ống có thành siêu mỏng giúp làm nóng và làm mát nhanh hơn. - Độ trong suốt cao cho phép quan sát mẫu dễ dàng. - Nắp phẳng lý tưởng cho Real-Time PCR (qPCR). - Không chứa DNase, RNase và endotoxin. 	
152	0.2ml qPCR 8-Strip Tubes (With Optical Caps) for Real time PCR (qPCR)	Hộp	Hộp/120 sets	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Hộp/120 sets. - Chiều cao ống 21 mm. - Ống trong suốt, vách mỏng để truyền nhiệt tốt nhất. - Được làm bằng USP VI Polypropylen. - Không chứa DNase, RNase, DNA, Chất ức chế PCR, ATP, endotoxin. - Tỷ lệ bay hơi dưới 5%, tiết kiệm chi phí thuốc thử. 	30
153	Đĩa Petri	Thùng	Thùng/10 cái	<ul style="list-style-type: none"> - Quy cách: Thùng/10 cái. - Chất liệu: Thủy tinh Soda-lime. - Đường kính: 100mm. - Chiều cao: 15mm. - Ứng dụng điển hình: nghiên cứu sinh học và lâm sàng, nuôi cấy vi sinh vật, quan sát kính hiển vi,.. 	30

Gói thầu 02: Cung cấp thiết bị phòng thí nghiệm

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Quy cách	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng
1	Kính hiển vi soi nổi có kết nối màn hình	Cái	Cái	<p>* Thông số kỹ thuật :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát 3 mắt, Góc nghiêng 45°, giúp người sử dụng có thể dễ dàng sử dụng các thao tác, núm điều chỉnh độ phóng đại ở cả 2 bên. - Khoảng cách điều chỉnh từ 55mm đến 75mm - Cặp thị kính WF10x, quang trường rộng 20 mm, có kèm theo nắp đậy thị kính. - Vật kính: 0,7x tới 4,5x cho độ phóng đại tổng từ 7 tới 45 lần với khoảng cách quan sát từ 28.5mm đến 4.4 mm. Khoảng cách làm việc 100mm. <p>Màn hình và bộ camera kết nối kính hiển vi.</p>	2

2	Máy lọc không khí cho phòng từ 54 ~ 81 m ²	Cái	Cái	* Thông số kỹ thuật: – Công suất: 40W. – Diện tích hoạt động: 54 ~ 81 m ² . – Điện áp: 220V / 50Hz ~ 60Hz.	2
---	---	-----	-----	--	---